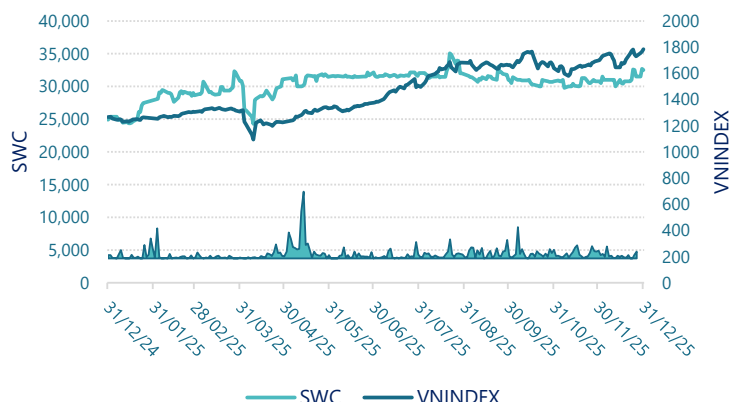


Tổng CTCP Đường Sông Miền Nam (UPCOM: SWC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	32,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	35,069
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,285
SL cổ phiếu LH	67,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,645
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,181
P/E	7.0
EPS	4,635

DT thuần

Q4/25

283

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.0 | 6.9%

YoY: ▼ 55.0 | -16.2%

LN sau thuế

Q4/25

83.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.70 | -0.8%

YoY: ▲ 2.40 | 3.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

34.7%

+/- YoY: ▲ 6.1%

DT thuần

2025

1,348

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 197 | 17.1%

LN sau thuế

2025

395

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 121 | 44.1%

ROE

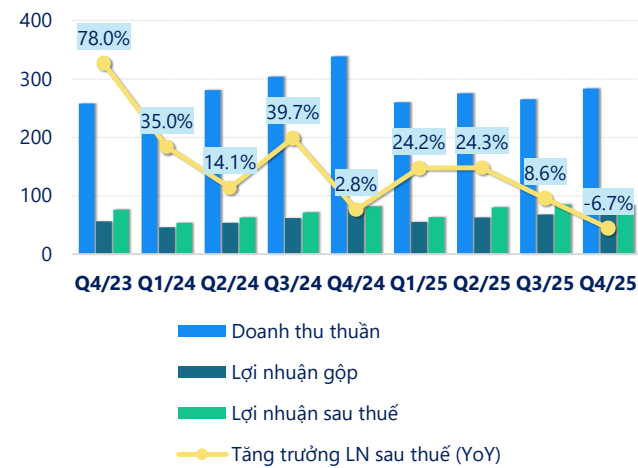
2025

20.5%

+/- YoY: ▲ 5.1%

tỷ VNĐ

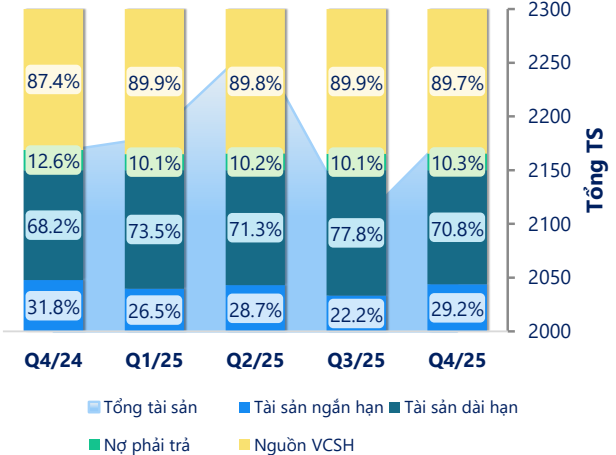
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

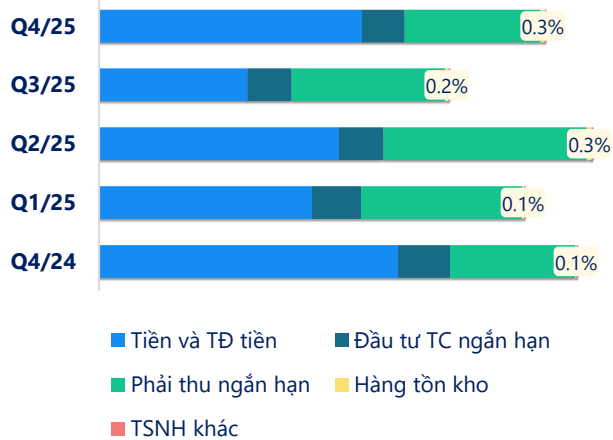
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



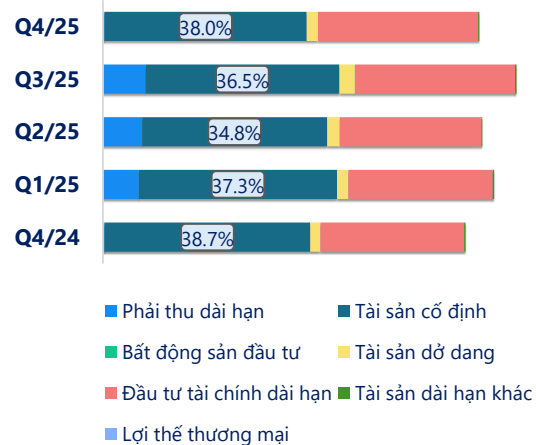
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

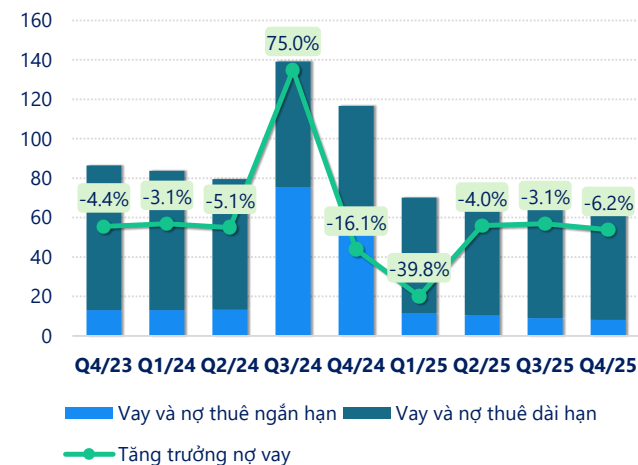
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

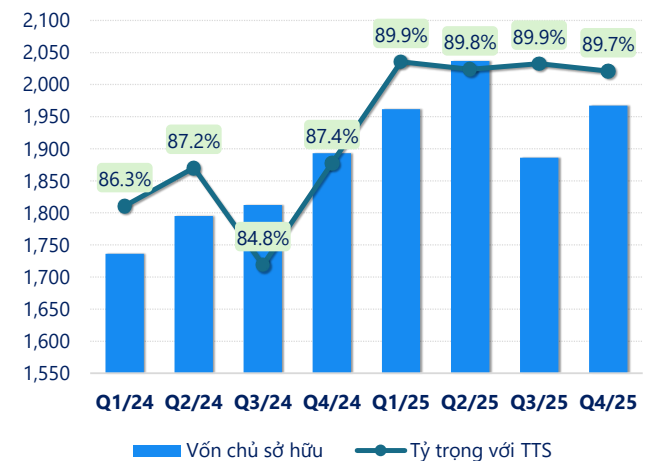
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

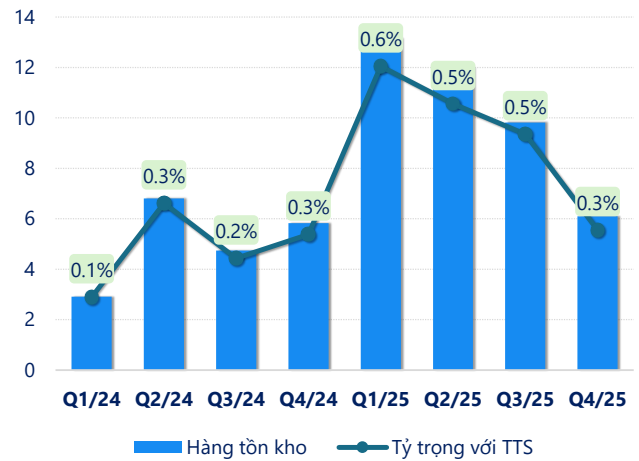
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

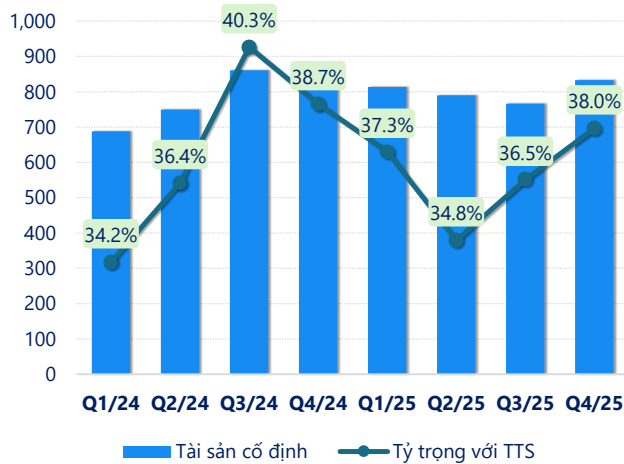
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

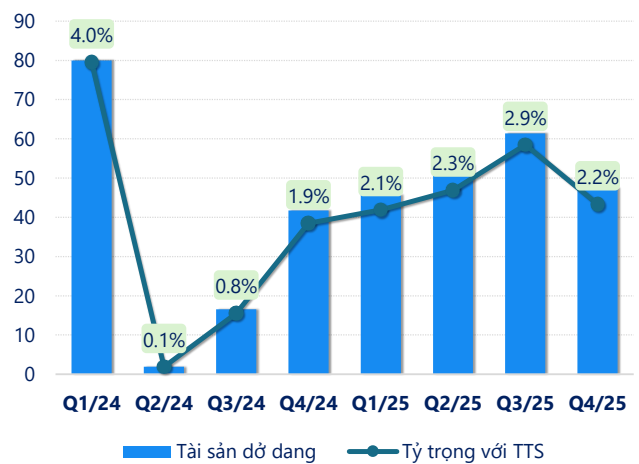
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

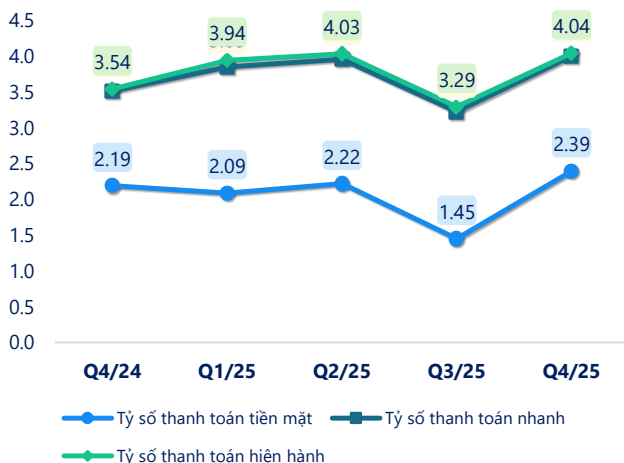
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



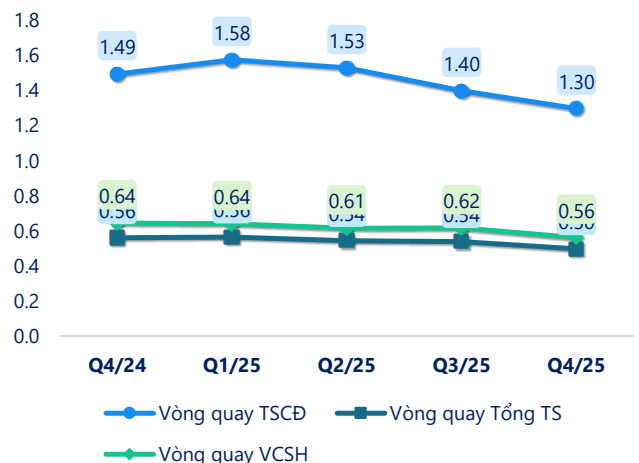
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,167	2,181	2,269	2,098	2,193
Tài sản ngắn hạn	690	577	650	466	641
Tiền và tương đương tiền	426	306	358	205	379
Đầu tư tài chính ngắn hạn	60.9	60.9	60.5	60.5	60.5
Phải thu ngắn hạn	194	194	214	186	181
Hàng tồn kho	5.83	13.1	12.0	9.82	6.10
Tài sản ngắn hạn khác	2.52	3.32	6.08	4.06	13.1
Tài sản dài hạn	1,477	1,604	1,619	1,632	1,552
Phải thu dài hạn	7.07	147	167	167	7.06
Tài sản cố định	837	814	790	766	833
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	41.7	45.7	53.2	61.4	47.5
Đầu tư tài chính dài hạn	586	592	604	632	659
Tài sản dài hạn khác	5.21	5.27	4.70	5.88	5.72
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	274	219	233	212	226
Nợ ngắn hạn	195	146	161	141	158
Vay và nợ thuê ngắn hạn	56.7	11.6	10.3	8.98	8.14
Phải trả người bán ngắn hạn	71.3	77.6	77.2	63.6	72.1
Nợ dài hạn	79.1	72.9	71.2	70.4	67.2
Vay và nợ thuê dài hạn	60.0	58.7	57.1	56.3	53.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,893	1,962	2,037	1,886	1,967
Vốn chủ sở hữu	1,893	1,962	2,037	1,886	1,967
Vốn điều lệ	671	671	671	671	671
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)